

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:143/2025/HSST
Ngày: 19/03/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HOÁ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Nguyễn Đình Vụ

Bà: Nguyễn Thị Hằng

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hoa – Thư ký tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Tạ Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 134/2025/TLST-HS ngày 13/02/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 03 năm 2025, đối với bị cáo:

Vũ Hoài N, sinh ngày: 19/11/2001; HKTT và nơi cư trú: số nhà **a**, phố K.Đ1, phường Đ.V, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Vũ Văn Ch, sinh năm 1966; Con bà: Lê Thị H, sinh năm: 1967; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; Vợ: Phạm Thị Phương Th, sinh năm: 2004; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 24/11/2020 bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 24 tháng tù giam về tội gây rối trật tự công cộng (Bản án số 163/2020/HS-ST), chấp hành xong hình phạt ngày 16/11/2021; Bị cáo tạm giữ từ ngày 21/11/2024 đến ngày 29/11/2024 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị: Nguyễn Thị Th1, sinh năm: 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: số nhà **b**, Đại lộ L, phường Đ.H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị: Cao Thị H, sinh năm: 1980 (vắng mặt)
Địa chỉ: số nhà c, đường P, phường Đ.H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.
3. Chị: Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh năm: 1984 (vắng mặt)
Địa chỉ: số nhà d, đường Ng, phường Đ.B, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.
4. Chị: Đỗ Ngọc A, sinh năm: 1989 (vắng mặt)
Địa chỉ: số e, đường L, phường B, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.
5. Chị: Trịnh Thị Xuân Th2, sinh năm : 1990 (vắng mặt).
Địa chỉ: số f, Ph.Đ2, phường T, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
6. Anh: Trần Đình T, sinh năm: 1996 (vắng mặt)
Địa chỉ: Phố Tr, phường A.H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.
7. Chị: Mai Thị Th3, sinh năm: 1992 (vắng mặt)
Địa chỉ: số g, đường Đ.L, phường Đ.B, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.
8. Chị: Nguyễn Thu Tr, sinh năm : 1994 (vắng mặt)
Địa chỉ: Nhà D2 chung cư MXD, phường Đ.Th, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mục đích vụ lợi nên từ ngày 04/9/2024 đến 21/11/2024, Vũ Hoài N đã sử dụng tiền cá nhân cho 08 người dân trên địa bàn thành phố T vay, dưới hình thức vay thăm (không cắt lãi trước), với lãi suất từ 3.333 đồng đến 7.407 đồng/triệu/ngày, tương ứng với lãi suất từ 121,6% đến 270,3%/năm, cao gấp từ 6,083 đến 13,5 lần so với mức lãi suất tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự (lãi suất cao nhất là 20%/năm), nhằm thu lợi bất chính, cụ thể:

1. N cho chị Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1994, trú tại số nhà b, Đại lộ L, phường Đ.H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa vay tổng 03 gói vay, gồm:

- Gói thứ nhất: Ngày 11/9/2024, N cho chị Th1 vay 20.000.000 đồng, thỏa thuận thu lãi 4.000.000 đồng (không cắt trước tiền lãi) và yêu cầu Chị Th1 trả gốc và lãi 24.000.000 đồng trong 60 ngày, mỗi ngày thu 400.000 đồng. Đến ngày 10/10/2024, Chị Th1 đã trả hết 30 ngày vay tương ứng với số tiền 24.000.000 đồng (20.000.000 đồng tiền gốc, 4.000.000 đồng tiền lãi) và xin đảo gói mới.

- Gói thứ hai: Ngày 10/10/2024, Chị Th1 vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất, cách thức trả gốc và lãi tương tự gói vay thứ nhất. Để vay tiếp gói khác, ngày 18/11/2024, Chị Th1 đã trả 40 ngày vay tương ứng với số tiền 24.000.000 đồng (20.000.000 đồng tiền gốc, 4.000.000 đồng tiền lãi) và xin đảo gói mới.

- Gói thứ ba: Ngày 18/11/2024, Chị Th1 vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất, cách thức trả gốc và lãi tương tự gói các gói vay trên. Tính đến thời điểm ngăn chặn (ngày 21/11/2024) Chị Th1 đã trả được 03 ngày lãi và gốc 1.200.000

đồng (1.000.000 đồng tiền gốc và 200.000 đồng tiền lãi) cho N. Chị Th1 còn nợ lại 19.000.000 đồng tiền gốc.

Tổng 03 gói vay Chị Th1 đã đóng cả gốc và lãi cho N là 49.200.000 đồng (41.000.000 đồng tiền gốc và 8.200.000 đồng tiền lãi), trong đó số tiền lãi được phép thu theo quy định là 800.000 đồng; số tiền thu lãi bất chính là 7.400.000 đồng. Chị Th1 còn nợ lại 19.000.000 đồng tiền gốc.

2. N cho chị Cao Thị H, sinh năm 1980, số nhà c, đường P, phường Đ.H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa vay 02 gói vay, gồm:

- Gói thứ nhất: Ngày 14/9/2024, chị H vay 20.000.000 đồng, thỏa thuận thu lãi 4.000.000 đồng (không cắt trước tiền lãi) và yêu cầu chị H trả gốc và lãi 24.000.000 đồng trong 60 ngày, mỗi ngày thu 400.000 đồng. Đến ngày 12/10/2024, chị H đã trả hết 29 ngày vay tương ứng với số tiền 24.000.000 đồng (20.000.000 đồng tiền gốc, 4.000.000 đồng tiền lãi) và xin đảo gói mới.

- Gói thứ hai: Ngày 12/10/2024, chị H vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất, cách thức trả gốc và lãi tương tự gói vay thứ nhất. Tính đến thời điểm ngăn chặn (ngày 21/11/2024) chị H đã trả được 40 ngày vay tương ứng với số tiền 16.000.000 đồng (13.333.333 đồng tiền gốc và 2.666.667 đồng tiền lãi) cho N. Chị H còn nợ lại 6.666.667 đồng tiền gốc.

Tổng 02 gói vay chị H đã đóng cả gốc và lãi cho N là 40.000.000 đồng (33.333.333 đồng tiền gốc và 6.666.667 đồng tiền lãi), trong đó số tiền lãi được phép thu theo quy định là 756.164 đồng; số tiền thu lãi bất chính là 5.910.502 đồng. Chị H còn nợ lại 6.666.667 đồng tiền gốc.

3. N cho chị Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh năm 1984, trú tại số nhà d, đường Ng, phường Đ.B, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa vay 03 gói vay, gồm:

- Gói thứ nhất: Ngày 04/9/2024, chị Nh vay 15.000.000 đồng, thỏa thuận thu lãi 3.000.000 đồng (không cắt trước tiền lãi) và yêu cầu chị Nh trả lãi và gốc 18.000.000 đồng trong 60 ngày, mỗi ngày thu 300.000 đồng. Đến ngày 04/10/2024, chị Nh đã trả hết 31 ngày vay tương ứng với số tiền 18.000.000 đồng (15.000.000 đồng tiền gốc, 3.000.000 đồng tiền lãi) và xin đảo gói mới.

- Gói thứ hai: Ngày 04/10/2024, chị Nh vay 15.000.000 đồng với lãi suất, cách thức trả gốc và lãi tương tự gói vay thứ nhất. Để vay tiếp gói khác, ngày 06/11/2024, chị Nh đã trả 34 ngày vay tương ứng với số tiền 18.000.000 đồng (15.000.000 đồng tiền gốc, 3.000.000 đồng tiền lãi) và xin đảo gói mới.

Gói thứ ba: Ngày 06/11/2024, chị Nh vay 15.000.000 đồng với lãi suất, cách thức trả gốc và lãi tương tự các gói vay trước. Tính đến thời điểm ngăn chặn (ngày 21/11/2024) chị Nh đã trả được 15 ngày vay tương ứng với số tiền 4.500.000 đồng

(3.750.000 đồng tiền gốc và 750.000 đồng tiền lãi) cho N. Chị Nh còn nợ lại 11.250.000 đồng.

Tổng 03 gói vay chị Nh đã đóng cả gốc và lãi cho N là 40.500.000 đồng (33.750.000 đồng tiền gốc và 6.750.000 đồng tiền lãi), trong đó số tiền lãi được phép thu theo quy định là 657.535 đồng; số tiền thu lãi bất chính là 6.092.465 đồng. Chị Nh còn nợ lại 11.250.000 đồng.

4. N cho chị Đỗ Ngọc A, sinh năm 1989, trú tại số e, đường L, phường B, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa vay 02 gói vay, gồm:

- Gói thứ nhất: Ngày 15/10/2024, Chị A vay 30.000.000 đồng, thỏa thuận thu lãi 6.000.000 đồng (không cắt trước tiền lãi) và yêu cầu Chị A trả lãi và gốc 36.000.000 đồng trong 60 ngày, mỗi ngày thu 600.000 đồng. Đến ngày 10/11/2024, Chị A đã trả hết 27 ngày vay tương ứng với số tiền 36.000.000 đồng (30.000.000 đồng tiền gốc, 6.000.000 đồng tiền lãi) và xin đảo gói mới.

- Gói thứ hai: Ngày 10/11/2024, Chị A vay 30.000.000 đồng với lãi suất, cách thức trả gốc và lãi tương tự gói vay thứ nhất. Tính đến thời điểm ngăn chặn (ngày 21/11/2024) Chị A đã trả được 11 ngày vay tương ứng với số tiền 6.600.000 đồng (5.500.000 đồng tiền gốc và 1.100.000 đồng tiền lãi) cho N. Chị A còn nợ lại 24.500.000 đồng tiền gốc.

Tổng 02 gói vay Chị A đã đóng cả gốc và lãi cho N là 42.600.000 đồng (35.500.000 đồng tiền gốc và 7.100.000 đồng tiền lãi), trong đó số tiền lãi được phép thu theo quy định là 624.658 đồng; số tiền thu lãi bất chính là 6.475.342 đồng. Chị A còn nợ lại 24.500.000 đồng tiền gốc.

5. Ngày 28/10/2024, anh Trần Đình T, sinh năm 1996, trú tại Phố Tr, phường A.H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa vay 01 gói vay với số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận thu lãi 6.000.000 đồng (không thu lãi trước) và yêu cầu anh T trả lãi và gốc 36.000.000 đồng trong 60 ngày, mỗi ngày thu 600.000 đồng. Tính đến thời điểm ngăn chặn (ngày 21/11/2024), anh T đã trả được 24 ngày vay tương ứng với số tiền 14.400.000 đồng (12.000.000 đồng tiền gốc và 2.400.000 đồng tiền lãi), trong đó số tiền lãi được phép thu theo quy định là 394.521 đồng; số tiền thu lãi bất chính là 2.005.479 đồng. Anh T còn nợ lại 18.000.000 đồng tiền gốc.

6. Ngày 20/9/2024 N cho chị Mai Thị Th3, sinh năm 1992, trú tại số g, đường Đ.L, phường Đ.B, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa vay 01 gói vay với số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận thu lãi 4.000.000 đồng (không cắt trước tiền lãi) và yêu cầu chị Th3 trả lãi và gốc 24.000.000 đồng trong 60 ngày, mỗi ngày thu 400.000 đồng. Ngày 18/11/2024 chị Th3 đã tắt toán gói vay trên.

Tổng số tiền gốc và lãi chị Th3 đã đóng cho N là 24.000.000 đồng (20.000.000 đồng tiền gốc và 4.000.000 đồng tiền lãi), trong đó số tiền lãi được

phép thu theo quy định là 657.534 đồng; số tiền thu lời bất chính là 3.342.466 đồng.

7. N cho chị Trịnh Thị Xuân Th2, sinh năm 1990, trú tại số f, Ph.Đ2, phường T, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa vay 02 gói vay, gồm:

- Gói thứ nhất: Ngày 27/9/2024, Chị Th2 vay 20.000.000 đồng, thỏa thuận thu lãi 4.000.000 đồng (không cắt trước tiền lãi) và yêu cầu Chị Th2 trả lãi và gốc 24.000.000 đồng trong 60 ngày, mỗi ngày thu 400.000 đồng. Đến ngày 03/11/2024, Chị Th2 đã trả hết 38 ngày vay tương ứng với số tiền 24.000.000 đồng (20.000.000 đồng tiền gốc, 4.000.000 đồng tiền lãi) và xin đảo gói mới.

- Gói thứ hai: Ngày 03/11/2024, Chị Th2 vay 20.000.000 đồng với lãi suất, cách thức trả gốc và lãi tương tự gói vay thứ nhất. Tính đến thời điểm ngăn chặn (ngày 21/11/2024) Chị Th2 đã trả được 18 ngày vay tương ứng với số tiền 7.200.000 đồng (6.000.000 đồng tiền gốc và 1.200.000 đồng tiền lãi) cho N. Chị Th2 còn nợ lại 14.000.000 đồng tiền gốc.

Tổng 02 gói vay Chị Th2 đã đóng cả gốc và lãi cho N là 31.200.000 đồng (26.000.000 đồng tiền gốc và 5.200.000 đồng tiền lãi), trong đó số tiền lãi được phép thu theo quy định là 613.698 đồng; số tiền thu lời bất chính là 4.586.301 đồng. Chị Th2 còn nợ lại 14.000.000 đồng tiền gốc.

8. N cho chị Nguyễn Thu Tr, sinh năm 1994, trú tại Nhà D2 chung cư MXD, phường Đ.Th, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa vay 02 gói vay, gồm:

- Gói thứ nhất: Ngày 10/10/2024, chị Tr vay 10.000.000 đồng, thỏa thuận thu lãi 2.000.000 đồng (không cắt trước tiền lãi) và yêu cầu chị Tr trả lãi và gốc 12.000.000 đồng trong 60 ngày, mỗi ngày thu 200.000 đồng. Đến ngày 13/11/2024, chị Tr đã trả hết 35 ngày vay tương ứng với số tiền 12.000.000 đồng (10.000.000 đồng tiền gốc, 2.000.000 đồng tiền lãi) và xin đảo gói mới.

- Gói thứ hai: Ngày 13/11/2024, chị Tr vay 10.000.000 đồng với lãi suất, cách thức trả gốc và lãi tương tự gói vay thứ nhất. Tính đến thời điểm ngăn chặn (ngày 21/11/2024) chị Tr đã trả được 08 ngày vay tương ứng với số tiền 1.600.000 đồng (1.333.333 đồng tiền gốc và 266.667 đồng tiền lãi) cho N. Chị Tr còn nợ lại 8.666.667 đồng tiền gốc.

Tổng 02 gói vay chị Tr đã đóng cả gốc và lãi cho N là 13.600.000 đồng (11.333.333 đồng tiền gốc và 2.266.667 đồng tiền lãi), trong đó số tiền lãi được phép thu theo quy định là 235.616 đồng; số tiền thu lời bất chính là 2.031.050 đồng. Chị Tr còn nợ lại 8.666.667 đồng tiền gốc.

Đối với một số người vay nhiều gói vay thì N đều yêu cầu người vay phải trả đủ số tiền của gói vay trước mới được đảo sang gói vay sau. N sẽ sử dụng tiền gốc của gói vay trước để tiếp tục cho vay vào gói vay sau. Do đó, mặc dù theo hồ sơ

thể hiện N đã cho 08 người vay, tổng số tiền gốc của các gói vay là 315.000.000 đồng, nhưng thực tế vì N lấy tiền gốc của gói vay trước để đảo cho gói vay sau nên N chỉ sử dụng số tiền gốc để cho vay là 165.000.000 đồng. Số tiền lãi N thu của 08 khách vay là 42.583.332 đồng, trong đó số tiền lãi được phép thu theo quy định là 4.739.726 đồng; số tiền thu lời bất chính là 37.843.606 đồng. Số tiền người vay còn nợ lại là 102.083.334 đồng.

Về dân sự: Quá trình điều tra, chị Đỗ Ngọc A yêu cầu Vũ Hoài N phải trả lại tiền thu lợi bất chính. Trong quá trình điều tra, chị Trịnh Thị Xuân Thủy và chị Nguyễn Thị Hồng Nh yêu cầu Vũ Hoài N phải trả lại tiền thu lợi bất chính, nhưng đến ngày 14/3/2025, chị Trịnh Thị Xuân Thủy và chị Nguyễn Thị Hồng Nh đã có đơn đề nghị gửi Tòa án về việc không yêu cầu Vũ Hoài N phải trả tiền thu lợi bất chính. Trong quá trình điều tra, chị Nguyễn Thị Thủy, chị Cao Thị Hương, chị Nguyễn Thu Trang, anh Trần Đình Tiến và chị Mai Thị Th3 không yêu cầu Vũ Hoài N trả tiền thu lợi bất chính.

Tại bản Cáo trạng số 66/CT-VKS ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hóa truy tố bị cáo Vũ Hoài N về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 BLHS.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” như Cáo Trạng. Đề nghị HĐXX:

- + Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36, Điều 47 BLHS; Điều 106; Khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về án, phí lệ phí Tòa án

- + Về hình phạt chính: xử phạt bị cáo Vũ Hoài N mức án từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian bị cáo bị tạm giữ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt.

Không khấu trừ thu nhập hàng tháng của bị cáo trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- + Về hình phạt bổ sung: xử phạt bị cáo Vũ Hoài N số tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

- + Biện pháp tư pháp:

Truy thu của bị cáo tổng số tiền 67.656.392 đồng (Trong đó, 62.916.666 đồng tiền gốc dùng để cho vay và 4.739.726 đồng tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự đã thu của người vay) để sung công quỹ Nhà nước.

Truy thu của chị Trịnh Thị Xuân Thủy 14.000.000 đồng, chị Cao Thị Hương 6.666.667 đồng, chị Nguyễn Thị Hồng Nh 11.250.000 đồng, chị Đỗ Ngọc A 24.500.000 đồng, anh Trần Đình Tiến 18.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Thủy 19.000.000 đồng, chị Nguyễn Thu Trang 8.666.667 đồng.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Đỗ Ngọc A số tiền 6.475.342 đồng. Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: chị Nguyễn Thị Thủy, chị Cao Thị Hương, anh Trần Đình Tiến, chị Nguyễn Thu Trang, chị Mai Thị Th3, chị Trịnh Thị Xuân Thủy, chị Nguyễn Thị Hồng Nh không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự nên ghi nhận sự tự nguyện của những người này.

+ Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

- Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, thống nhất với đề nghị của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng bị cáo thể hiện việc ăn năn hối hận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên của cơ quan cảnh sát điều tra, Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa những người tham ra tố tụng không có khiếu nại gì, Hội đồng xét xử tiến hành theo thủ tục chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và vắng mặt, việc vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc xét xử của vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai trong quá trình điều tra, lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra, đủ căn cứ và cơ sở để kết luận:

Từ ngày 04/9/2024 đến ngày 13/11/2024, Vũ Hoài N đã sử dụng số tiền 165.000.000 đồng của cá nhân bị cáo để cho chị Nguyễn Thị Thủy, Cao Thị Hương, Trần Đình Tiến, Mai Thị Th3, Trịnh Thị Xuân Thủy, Đỗ Ngọc A, Nguyễn Thu Trang, Nguyễn Thị Hồng Nh vay với lãi suất từ 3.333 đồng đến 7.407 đồng/triệu/ngày, tương ứng với lãi suất từ 121,6% đến 270,3%/năm, cao gấp từ 6,083 đến 13,5 lần so với mức lãi suất tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, thu được tổng số tiền lãi là 42.583.332 đồng, trong đó số tiền lãi được phép thu theo quy định 20%/01 năm là 4.739.726 đồng; số tiền thu lời bất chính là **37.843.606** đồng. Số tiền gốc người vay còn nợ của N là

102.083.334 đồng, cụ thể: chị Nguyễn Thị Thủy nợ 19.000.000 đồng, chị Cao Thị Hương nợ 6.666.667 đồng, chị Nguyễn Thị Hồng Nh nợ 11.250.000 đồng, chị Đỗ Ngọc A nợ 24.500.000 đồng, anh Trần Đình Tiến nợ 18.000.000 đồng, chị Trịnh Thị Xuân Thủy nợ 14.000.000 đồng, chị Nguyễn Thu Trang nợ 8.666.667 đồng .

Hành vi của bị cáo Vũ Hoài N đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện Kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; xâm phạm đến lợi ích của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương và trật tự kinh tế. Do đó cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật để làm bài học giáo dục răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung là cần thiết.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã đầu thú. Do đó bị cáo Vũ Hoài N được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[4.3] Nhân thân: Ngày 24/11/2020, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phạt 24 tháng tù giam về tội Gây rối trật tự công cộng. Hiện tại, bị cáo đã được xóa án tích.

[5] Hình phạt:

- Hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, do bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định. Bị cáo hiện đang phải nuôi con nhỏ (sinh năm 2024) và chăm sóc bố đẻ là ông Vũ Văn Chính đang điều trị bệnh. Do đó, cần xem xét miễn áp dụng biện pháp khấu trừ thu nhập hàng tháng trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

- Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo Vũ Hoài N cho vay với mục đích vụ lợi nên căn cứ khoản 3 Điều 201 BLHS cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phạt tiền.

[6] Các biện pháp tư pháp: Căn cứ vào Điều 46, Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS; Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao:

- Đối với số tiền 165.000.000 đồng bị cáo đã sử dụng để cho vay lãi nặng là công cụ phạm tội nên cần phải truy thu để tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Hiện tại số tiền này bị cáo đã thu được một phần, còn một phần do người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vay chưa trả nên sẽ truy thu từ bị cáo đối với số tiền bị cáo đã thu được và truy thu từ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với số tiền những người này vay của bị cáo nhưng chưa trả. Cụ thể, Truy thu để tịch thu nộp ngân sách nhà nước từ:

- + Bị cáo Vũ Hoài N số tiền 62.916.666 đồng.
- + Chị Nguyễn Thị Th1 19.000.000 đồng
- + Chị Cao Thị H 6.666.667 đồng.
- + Chị Nguyễn Thị Hồng Nh 11.250.000 đồng.
- + Chị Đỗ Ngọc A 24.500.000 đồng.
- + Anh Trần Đình T 18.000.000 đồng.
- + Chị Trịnh Thị Xuân Th2 14.000.000 đồng.
- + Chị Nguyễn Thu Tr 8.666.667 đồng.

- Truy thu từ bị cáo Vũ Hoài N để tịch thu nộp ngân sách nhà nước đối với số tiền lãi được thu theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS là 4.739.726 đồng.

- Bị cáo Vũ Hoài N phải có trách nhiệm trả lại cho chị Đỗ Ngọc A số tiền đã thu lợi bất chính là: 6.475.342 đồng;

- Chị Nguyễn Thị Thủy, Cao Thị Hương, Nguyễn Thu Trang, anh Trần Đình Tiến, chị Mai Thị Th3, Nguyễn Thị Hồng Nh, Trịnh Thị Xuân Thủy không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền thu lợi bất chính. HĐXX ghi nhận sự tự nguyện định đoạt này của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan này. Do đó, Bị cáo không phải trả số tiền thu lợi bất chính cho Chị Nguyễn Thị Thủy, Cao Thị Hương, Nguyễn Thu Trang, anh Trần Đình Tiến, chị Mai Thị Th3, chị Nguyễn Thị Hồng Nh, chị Trịnh Thị Xuân Thủy.

[7] Về vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra, chị Mai Thị Th3 có khai báo với cơ quan cảnh sát điều tra về việc Vũ Hoài N đã từng sử dụng số điện thoại 0899637432 để liên hệ nhắc chị Th3 trả nợ. Tại phiên tòa, Bị cáo N cũng thừa nhận nội dung chị Th3 khai báo là đúng. Tuy nhiên, chiếc điện thoại bị cáo sử dụng để lắp sim 0899637432 đã bị mất trước khi bị cáo bị cơ quan cảnh sát điều tra triệu tập lên làm việc vào ngày 21/11/2024 nên cơ quan cảnh sát điều tra đã không thể thu giữ được chiếc điện thoại nêu trên của bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTV Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1, khoản 3 Điều 201; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 46; Điều 47 BLHS; Điều 106; Khoản 2 Điều 136; Điều 292 BLTTHS; Điều 6, khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về án, phí lệ phí Tòa án.

- **Tuyên bố:** Bị cáo Vũ Hoài N phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Xử phạt:

+ Bị cáo Vũ Hoài N 16 tháng cải tạo không giam giữ. nhưng được trừ đi 08 (tám) ngày tạm giữ tương đương với 24 (hai mươi tư) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo phải chấp hành hình phạt là 15 tháng 06 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND phường Đông Vệ nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Không khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Vũ Hoài N trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

+ Hình phạt bổ sung: phạt tiền đối với bị cáo Vũ Hoài N 40.000.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

- Các biện pháp tư pháp:

+ Truy thu để tịch thu nộp ngân sách nhà nước đối với bị cáo Vũ Hoài N số tiền 67.656.392 đồng (trong đó: tiền gốc dùng để cho vay là: 62.916.666 đồng; tiền lãi theo quy định của BLDS là: 4.739.726 đồng).

+ Truy thu để tịch thu nộp ngân sách từ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị Trịnh Thị Xuân Th2 14.000.000 đồng, chị Cao Thị H 6.666.667 đồng, chị Nguyễn Thị Hồng Nh 11.250.000 đồng, chị Đỗ Ngọc A 24.500.000 đồng, anh Trần Đình T 18.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Th1 19.000.000 đồng, chị Nguyễn Thu Trang 8.666.667 đồng.

+ Buộc Bị cáo Vũ Hoài N phải có trách nhiệm trả lại cho chị Đỗ Ngọc A số tiền đã thu lợi bất chính là: 6.475.342 đồng.

+ Ghi nhận sự tự định đoạt của chị Nguyễn Thị Th1, chị Cao Thị H, chị Nguyễn Thu Tr, anh Trần Đình T, chị Mai Thị Th3, chị Nguyễn Thị Hồng Nh, chị Trịnh Thị Xuân Th2 về việc không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền thu lợi bất chính. Bị cáo không phải trả tiền thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan này

- **Về án phí:** Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./

Nơi nhận:

- VKSND, TAND tỉnh Thanh Hóa
- VKSND Thành phố Thanh Hóa;
- VP CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa
- Thi hành án DS TP T;
- Bị cáo; Người có QL, NV liên quan;
- UBND P. Đ.V, TPTH;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phương